

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án
Xây mới nhà lớp học bộ môn, nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ
Trường THPT Triệu Sơn 4, huyện Triệu Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14; Luật số 62/2020/QH14; Luật số 45/2024/QH15; Luật số 47/2024/QH15; Luật số 55/2024/QH15; Luật số 61/2024/QH15; Luật số 84/2025/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 95/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2353/QĐ-UBND ngày 03/7/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về chủ trương đầu tư dự án Xây mới nhà lớp học bộ môn, nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ Trường THPT Triệu Sơn 4, huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: Số 2282/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 về việc phê duyệt dự án Xây mới nhà lớp học bộ môn, nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ Trường THPT Triệu Sơn 4, huyện Triệu Sơn; số 577/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 về việc điều chỉnh chủ đầu tư các dự án đầu tư công do các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực làm chủ đầu tư về Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa quản lý;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 164/TTr-SXD ngày 22/5/2026 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Xây mới nhà lớp học bộ môn, nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ Trường THPT Triệu Sơn 4, huyện Triệu Sơn (Kèm theo báo cáo thẩm định số 5329/SXD-HĐXD ngày 22/5/2026 và hồ sơ Dự

án; đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa tại Tờ trình số 1136/TTr-BQLDA ngày 22/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Xây mới nhà lớp học bộ môn, nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ Trường THPT Triệu Sơn 4, huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Điều chỉnh quy mô đầu tư:

- Cắt giảm hạng mục san nền, tường rào trên phạm vi khu đất mở rộng về phía Tây nhà trường.

- Điều chỉnh vị trí trạm xử lý nước thải và hệ thống thu gom nước thải từ vị trí cổng chính phía Đông về phía Nam của trường, đấu nối với hệ thống thoát nước khu dân cư hiện trạng.

- Bổ sung hạng mục cải tạo khu vực sân phía trước nhà lớp học bộ môn làm sân tập thể thao ngoài trời với giải pháp thiết kế như sau: Sân bê tông có diện tích khoảng 2.370 m², cấu tạo gồm các lớp: Lớp gạch lát Terrazzo, bê tông đá 1x2 dày 100 mm, lớp nilon tái sinh, đất đắp đầm chặt.

2. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án:

Từ “Năm 2023-2025” thành “Hoàn thành trong năm 2026”.

3. Điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư điều chỉnh (làm tròn): 19.950.000.000 đồng.

Trong đó:

- Chi phí GPMB:	330.000.000 đồng;
- Chi phí xây dựng:	16.207.333.594 đồng;
- Chi phí thiết bị:	439.782.200 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	391.947.794 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.894.664.945 đồng;
- Chi phí khác:	225.263.046 đồng;
- Chi phí dự phòng:	461.008.421 đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

4. Điều chỉnh địa điểm xây dựng: Từ “Trong khuôn viên hiện có và phần đất quy hoạch mở rộng về phía Tây của Trường THPT Triệu Sơn 4, xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn” thành “Trong khuôn viên hiện có và phần đất quy hoạch mở rộng về phía Tây của Trường THPT Triệu Sơn 4, xã Thọ Phú”.

5. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

6. Lý do điều chỉnh: Thực hiện điều chỉnh dự án theo các nội dung đã được Chủ tịch UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 3236/UBND-CNXXDKH ngày 23/02/2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Sở Xây dựng, Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa (chủ đầu tư) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán,...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ báo cáo, đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự án.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo đúng các quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XI; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Đầu Thanh Tùng;
- Sở Giáo dục và Đào Tạo;
- UBND xã Thọ Phú;
- Trường THPT Triệu Sơn 4 ;
- Lưu: VT, VHXXH, CNXD_{HĐXD_TM}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đào Thanh Tùng

PHỤ LỤC TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH
Dự án: Xây mới nhà lớp học bộ môn, nhà đa năng và một số hạng mục
phụ trợ Trường THPT Triệu Sơn 4
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đvt: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	TMDT theo QĐ số 2282/QĐ- UBND ngày 05/6/2024	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh	Tăng (+) Giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)
I	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC	330.000.000	330.000.000	0
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG	15.447.276.898	16.207.333.594	760.056.696
III	CHI PHÍ THIẾT BỊ	442.863.615	439.782.200	-3.081.415
IV	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	374.867.418	391.947.794	17.080.376
V	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	1.952.293.311	1.894.664.945	-57.628.366
1	Chi phí khảo sát lập báo cáo nghiên cứu khả thi	87.687.000	87.687.000	
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát, giám sát công tác khảo sát	5.295.000	5.295.000	
3	Chi phí lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500	118.604.000	118.604.000	
4	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	175.956.027	175.956.027	
5	Chi phí khảo sát bước lập BVTC và dự toán	60.000.000	554.964.394	1.056.418
6	Chi phí thiết kế BVTC và dự toán	493.907.975		
7	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	37.319.539	77.960.059	4.242.450
8	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	36.398.069		
9	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	60.817.027	62.400.000	-21.332
10	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm vật tư, thiết bị	1.604.305		
11	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng (Nghị định số 24/2024/NĐ-CP)	30.894.554	31.700.000	-80.281
12	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu mua sắm vật tư, thiết bị (Nghị định số 24/2024/NĐ-CP)	885.727		
13	Chi phí thẩm định giá	30.000.000	30.000.000	

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	TMĐT theo QĐ số 2282/QĐ- UBND ngày 05/6/2024	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh	Tăng (+) Giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)
14	Chi phí giám sát thi công xây dựng	476.553.622	495.477.133	18.923.511
15	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	3.689.465	3.644.275	-45.190
16	Chi phí nén tĩnh	102.681.000	28.427.058	-74.253.942
17	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	230.000.000	222.550.000	-7.450.000
VI	CHI PHÍ KHÁC	261.537.788	225.263.046	-36.274.742
1	Chi phí bảo hiểm công trình (Thông tư 50/2022/TT-BTC ngày 11/8/2022 của Bộ Tài chính)	12.513.792	12.988.609	474.817
2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 28/2023/TT-BTC)	5.386.500	5.386.500	
3	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công (Thông tư 27/2023/TT-BTC)	23.463.359	12.845.008	-10.618.351
4	Phí thẩm định dự toán xây dựng công trình (Thông tư 27/2023/TT-BTC)	22.752.348	12.455.764	-10.296.584
5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (NĐ 99/2021/NĐ-CP)	36.309.000	36.309.000	
6	Chi phí kiểm toán độc lập (NĐ 99/2021/NĐ-CP)	128.414.160	130.792.200	2.378.040
7	Chi phí thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy (Thông tư 258/2016/TT- BTC)	1.850.166	858.873	-991.293
8	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Thông tư 10/2021/TT-BXD)	30.848.463	13.627.092	-17.221.371
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	1.141.160.927	461.008.421	-680.152.506
	TỔNG CỘNG (LÀM TRÒN)	19.950.000.000	19.950.000.000	0